

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 12- 2024

STT	Nội dung thu	Số tiền	số ngày trong tháng	13-18T (không máy lạnh)	19-24T 25-36Th (Không Máy Lạnh)	Mầm 1,2 Tiên tiến hiện đại	Chòi 2	Chòi 1, chòi 3 (Không Máy lạnh)	Lá 1,2,3
I	Thu học phí								
	Nhà trẻ -			120.000	120.000				
	Mẫu giáo					100.000	100.000	100.000	-
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục								
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí								
	Nhà trẻ	500.000		500.000	500.000				
	Mẫu giáo	414.000				414.000	414.000	414.000	414.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	115.000		115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
3	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (phần kinh phí xã hội hóa theo Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND Thành phố)	130.000		130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
5	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	25.000		-	-	25.000	25.000	-	25.000
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác								
1	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi (Nhịp điệu)	70.000 /1 tháng				70.000	70.000	70.000	70.000
2	Tiền tổ chức lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, bơi (Vẽ).	70.000 /1 tháng				70.000	70.000	70.000	70.000

STT	Nội dung thu	Số tiền	số ngày trong tháng	13-18T (không máy lạnh)	19-24T 25-36Th (Không Máy Lạnh)	Mầm 1,2 Tiên tiến hiện đại	Chòi 2	Chòi 1, chòi 3 (Không Máy lạnh)	Lá 1,2,3
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ/ tháng	80.000 /1 tháng				80.000	80.000	80.000	80.000
IV	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến hội nhập quốc tế"								
1	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (giáo viên bản ngữ) .	400.000/1 tháng				400.000			
2	Thẻ thao 10 môn phối hợp .	450.000/1 tháng				450.000			
3	Cơ sở vật chất lớp tiên tiến hiện đại	380.000/ 1 tháng				380.000			
4	Hoạt động ngoại khóa (3-4 lần/1 năm)	170.000/1 tháng				170.000			
IV	Các khoản thu cho cá nhân học sinh								
1	Tiền suất ăn trưa bán trú								
1.1	Nhà trẻ	30.000	22	660.000	660.000				
1.2	Mẫu giáo	35.000	22			770.000	770.000	770.000	770.000
3	Tiền suất ăn sáng	11.000	22	242.000	242.000	242.000	242.000	242.000	242.000
4	Tiền nước uống	15.000		15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
	Cộng			1.782.000	1.782.000	3.431.000	2.031.000	2.006.000	1.931.000



 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

 TRƯỜNG

 MẦM NON

 HOÀNG ANH

 CM

 Cai Thị Mộng Tuyền